

TT	Họ và tên	Hệ số	Lương chính	%VK	Lương VK	HS PCCV	LPCCV	Tổng tiền 6 tháng	Nộp 70% quý IV	Ký nhận	GC
1	Lưu Thị Minh Hương	5,36	12.542.400			0,40	936.000	808.704	283.046		
2	Hoàng Thị Huyền	5,36	12.542.400			0,30	702.000	794.664	278.132		
3	Vũ Thị Thúy	4,98	11.653.200	5	582.660	0,30	702.000	776.272	271.695		
4	Phạm Thị Thương	3,66	8.564.400					513.864	179.852		
5	Đoàn Thùy Trang	4,34	10.155.600					609.336	213.268		
6	Lê Thị Anh Đào	3,66	8.564.400					513.864	179.852		
7	Chu Thị Thảo	5,02	11.746.800			0,20	468.000	732.888	256.511		
8	Vũ Thị Quỳnh Trang	3,66	8.564.400			0,20	468.000	541.944	189.680		
9	Phạm Thị Duyên	4,00	9.360.000					561.600	196.560		
10	Trần Thị Khánh Hằng	5,36	12.542.400			0,15	351.000	773.604	270.761		
11	Ngô Thị Tâm	4,98	11.653.200	5	582.660	0,20	468.000	762.232	266.781		
12	Trần Thị Ngời	4,68	10.951.200			0,20	468.000	685.152	239.803		
13	Trần Thị Thu Huyền	5,02	11.746.800					704.808	246.683		
14	Nguyễn Thị Đào	4,89	11.442.600	10	1.144.260			755.212	264.324		
15	Vũ Thị Huế	5,02	11.746.800					704.808	246.683		
16	Ngô Mỹ Hương	5,02	11.746.800					704.808	246.683		
17	Vũ Thị Thanh Loan	4,65	10.881.000			0,20	468.000	680.940	238.329		
18	Đặng Thị Lan Anh	4,34	10.155.600					609.336	213.268		
19	Nguyễn Thị Trang	3,66	8.564.400					513.864	179.852		
20	Phạm Thị Dịu	4,34	10.155.600					609.336	213.268		
21	Nguyễn Thị Hoa	3,99	9.336.600					560.196	196.069		
22	Nguyễn Văn Tân	3,26	7.628.400					457.704	160.196		
23	Đỗ Thị Thanh Thảo	3,26	7.628.400				0	457.704	160.196		
24	Nguyễn Thị Lan Hương		4.476.000				0	268.560	93.996		
	Tổng cộng	102,51	244.349.400		2.309.580	2,15	5.031.000	15.101.399	5.285.490		

Nam Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Thanh Thảo

BÍ THƯ CHI BỘ



Lưu Thị Minh Hương